

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày: 30-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Anh T

2. Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc T**, tên gọi khác: không; sinh ngày 26/9/1989; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ A, phường H, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Trần Quốc D (đã chết), con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; Có vợ là: Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, có 01 con sinh năm 2014; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

+ Tại bản án số 374/2009/HSST ngày 17/11/2009 bị TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Tại bản án số 304/2011/HSST ngày 26/8/2011 bị TAND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25/7/2018 bị TAND thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 46/2018/HS-ST ngày 17/10/2018 bị TAND thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 83/2018/HS-ST ngày 24/10/2018 bị TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại bản án số 127/2018/HS-ST ngày 26/10/2018 bị TAND huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang thi hành án tại Trại giam Quyết Tiến, Cục C10, Bộ Công an. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989 – Vắng mặt

Trú tại: Xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh T.

2. Anh Hà Quang Đăng V, sinh năm 1994 – Có mặt.

Trú tại: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh T.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Hà Quang P, sinh năm 1971 – Có mặt.

Trú tại: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 40 phút ngày 10/01/2018, Trần Quốc T một mình thuê xe taxi đi từ cổng phụ Bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên (thuộc phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên) đến địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến đoạn đường gần cổng Công ty X thuộc địa phận xã N, huyện Đ, lúc này khoảng 1 giờ 30 phút, ngày 11/01/2018 T ngồi trên xe taxi quan sát thấy bên trái đường theo hướng đi của mình có một ngôi nhà xây, có cổng sắt đang đóng phía trong có để 01 chiếc xe mô tô (sau xác định là nhà chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989, tại xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh T). Khi xe taxi đi qua khoảng 30m thì T xuống xe, sau đó quay lại nhà chị T quan sát xung quanh, thấy không có người, T đã dùng xà cày bằng sắt, đường kính phi 20, một đầu được đập bẹt, một đầu nhọn phá khóa cổng sắt, sau khi mở được cổng, T dùng vạm phá khóa chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh - đen, BSK: 20B2 – 031.37, khi phá được khóa xe T đã nổ máy và điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi về phòng trọ của mình tại tổ X, phường Y, thành phố T cất giấu. Sau đó, T tiếp tục quay lại cổng Bệnh viện đa khoa thuê taxi đi về huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, khi đi đến cầu Linh Nham (lúc này khoảng 03 giờ sáng) T đã xuống xe taxi và đi bộ về hướng xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, đi được khoảng 200m, T phát hiện bên phải đường theo hướng đi của mình có một ngôi nhà hai tầng, có cổng sắt dạng kéo, đẩy bên trong có để hai chiếc xe mô tô (sau xác định là nhà ông Hà Quang P, ở xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh T) T liền lại gần quan sát thấy không có ai, T dùng mỏ lết vận hai bulông ốc khóa cửa cổng sắt. Sau đó, T dùng xà cày bằng sắt, bẻ khóa cổng sắt dưới nền sân, khi mở được

khóa, T đi vào vị trí để 02 chiếc xe mô tô T dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng – bạc, BKS: 20B1 - 371.10 (là xe của anh Hà Quang Đăng V con trai ông P) ra cổng, đi về hướng cầu X khoảng 200m, T dừng lại và dùng tô vít tháo mặt nạ của xe, đấu điện để đề cho xe nổ, sau đó T điều khiển chiếc xe đi về phòng trọ của mình tại tổ X, phường Y, thành phố T cất giấu. Khoảng 03 đến 04 ngày sau, T đã điều khiển chiếc xe mô tô Honda Wave, màu sơn xanh - đen, BSK: 20B2 - 031.37 đã trộm cắp được của chị Nguyễn Thị Thanh T lên khu vực X, huyện Đ, tỉnh T. Khi lên đến nơi T gọi điện cho Đỗ Đình D, sinh năm 1990 (ở xóm A, xã Đồng V, huyện Đ, tỉnh T). T có nói với D hết tiền tiêu sài cá nhân nên cần cầm chiếc xe trên, sau đó T đã cầm chiếc xe trên cho Nông Chính H, sinh năm 1988 (ở xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh T) được 3.000.000đ (ba triệu đồng), sau đó T bắt xe buýt đi về phòng trọ ở phường Y, thành phố T.

Khoảng 02 ngày sau, T tiếp tục điều khiển chiếc xe Honda Wave, màu vàng – bạc, trộm cắp được ở gia đình ông Hà Quang P lên khu vực X, huyện Đ, tỉnh T với mục đích gặp Đỗ Đình D nhờ bán hộ chiếc xe trên, khi gặp được D, T bảo D bán hộ chiếc xe đang đi và D đồng ý. D có mang chiếc xe bán được 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng), bán xe xong T đã trả công cho D một thẻ điện thoại 200.000đ (theo T khai: cả hai chiếc xe trên khi giao dịch với D, T đều nói dối về nguồn gốc những chiếc xe mô tô trên là xe của khách cầm quá hạn không đến lấy).

Sau khi phát hiện mất tài sản, ông P đã báo Công an xã K đến giải quyết, lập biên bản sự việc.

Ngày 08/02/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã có công văn trao đổi về việc đang thụ lý điều tra vụ án trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Tuyên Quang. Trong đó đã khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam đối với Trần Quốc T. Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, T đã khai nhận trực tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô tại địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 20B2 - 031.37 của chị Nguyễn Thị Thanh T, sau khi phát hiện tài sản bị mất gia đình không trình báo chính quyền địa phương ngay. Đến 08/02/2018, khi Công an thành phố Tuyên Quang có công văn thông báo việc thu hồi tài sản do T trộm cắp chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Hỷ, chị T mới có đơn trình báo và cung cấp giấy tờ liên quan đến tài sản bị mất và có đơn xin lại tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22, 23 cùng ngày 01/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đồng Hỷ, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen, BKS: 20B2 – 031.37, có giá trị 5.000.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu vàng bạc, BKS: 20B1 – 371.10, có trị giá: 5.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng – bạc, BKS: 20B1 – 371.10 chưa thu hồi được và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh – đen, BKS: 20B2 – 031.37 đã thu hồi được và trả lại cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh–đen, BKS: 20B2–031.37 bị cáo lấy trộm của chị Nguyễn Thị Thanh T. Ngày 30/6/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hỷ đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh T là chủ sở hữu quản lý, sử dụng, Chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo;

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng–bạc, BKS: 20B1–371.10. Quá trình điều tra không thu giữ được, anh Hà Quang Đăng V yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo giá trị còn lại là 5.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSĐH, ngày 04/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại Hà Quang Đăng V về việc bồi thường giá trị của chiếc xe mô tô; cụ thể: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh V số tiền là 5.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị hại (anh V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông P) không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vào rạng sáng ngày 11/01/2018, Trần Quốc T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

+ Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút, T đã có hành vi dùng xà cày phá cổng, sau đó dùng vạm phá khóa chuẩn bị từ trước phá ổ khóa điện trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh – đen, BKS: 20B2 – 031.37, có giá trị 5.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thanh T, ở xóm N, xã N, huyện Đ, tỉnh T. Hiện chiếc xe đã được thu hồi và trả lại cho chị T là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

+ Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ, T đã có hành vi dùng mỏ lết vặn bu lông ốc khóa cổng, dùng xà cầy cạy cổng và trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng – bạc, BKS: 20B1 – 371.10, có giá trị 5.000.000 đồng của anh Hà Quang Đăng V ở xóm Ao Đậu, xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện chiếc xe mô tô trên chưa thu hồi được.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Trần Quốc T chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị xét xử về cùng loại tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã bị xét xử nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật; do đó, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại chị Nguyễn Thị Thanh T có chiếc xe mô tô BKS:20B2-031.37 bị trộm cắp. Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ được chiếc xe trên và trả lại cho chị T là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với bị hại anh Hà Quang Đăng V có chiếc xe mô tô BKS:20B1-0371.10 bị trộm cắp. Quá trình điều tra chưa thu hồi được để trả lại cho anh V. Tại phiên tòa, anh V yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả lại cho anh giá trị của chiếc xe trên theo giá mà Hội đồng định giá đã xác định là 5.000.000 đồng, bị cáo đồng ý với yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy: việc bị hại và bị cáo thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật; do đó, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bồi thường giá trị của chiếc xe mô tô; cụ thể: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh V số tiền là 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Hà Quang P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị T, anh V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, theo T khai sau khi trộm cắp được 02 chiếc xe mô tô, T đã nhờ Đỗ Đình D (trú tại: xóm An V 1, xã Đồng V, huyện Đ, tỉnh T là người bán xe cho T và Nông Chính H (trú tại: xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh T) là người cho T cầm xe. Quá trình điều tra Đỗ Đình D và Nông Chính H đều không có mặt tại địa phương nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tách tài liệu để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Quốc T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại Hà Quang Đăng V về việc bồi thường giá trị của chiếc xe mô tô; cụ thể: bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Hà Quang Đăng V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Đối với quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án, được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; bị hại (anh V); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông P; báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại (chị T), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Tân Lập, TPTN;
- Bị cáo, Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc